TỌA ĐỘ KHÉP GÓC KHU VỰC SỬ DỤNG BỀ MẶT

Tên điểm	Toạ độ VN.2000 (KTTT 106°30', múi chiếu 3°)		Tên điểm	Toạ độ VN.2000 (KTTT 106°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	2.444.860,45	399.746,08	12	2.444.650,84	399.682,78
2	2.444.851,56	399.759,8	13	2.444.697,67	399.675,46
3	2.444.818,00	399.810,00	14	2.444.730,94	399.581,49
4	2.444.815,49	399.824,67	15	2.444.757,11	399.566,76
5	2.444.757,81	399.819,47	16	2.444.813,09	399.607,41
5A	2.444.747,00	399.824,60	17	2.444.854,97	399.623,02
5B	2.444.671,20	399.815,47	18	2.444.853,91	399.672,41
5C	2.444.579,80	399.772,23	19	2.444.827,44	399.691,24
10	2.444.597,00	399.695,00	20	2.444.831,12	399.722,57
11	2.444.642,24	399.616,87	21	2.444.841,47	399.745,35
Diện tích: 4,61 ha					

TỌA ĐỘ KHÉP GÓC KHU VỰC KHAI THÁC 2,25 HA

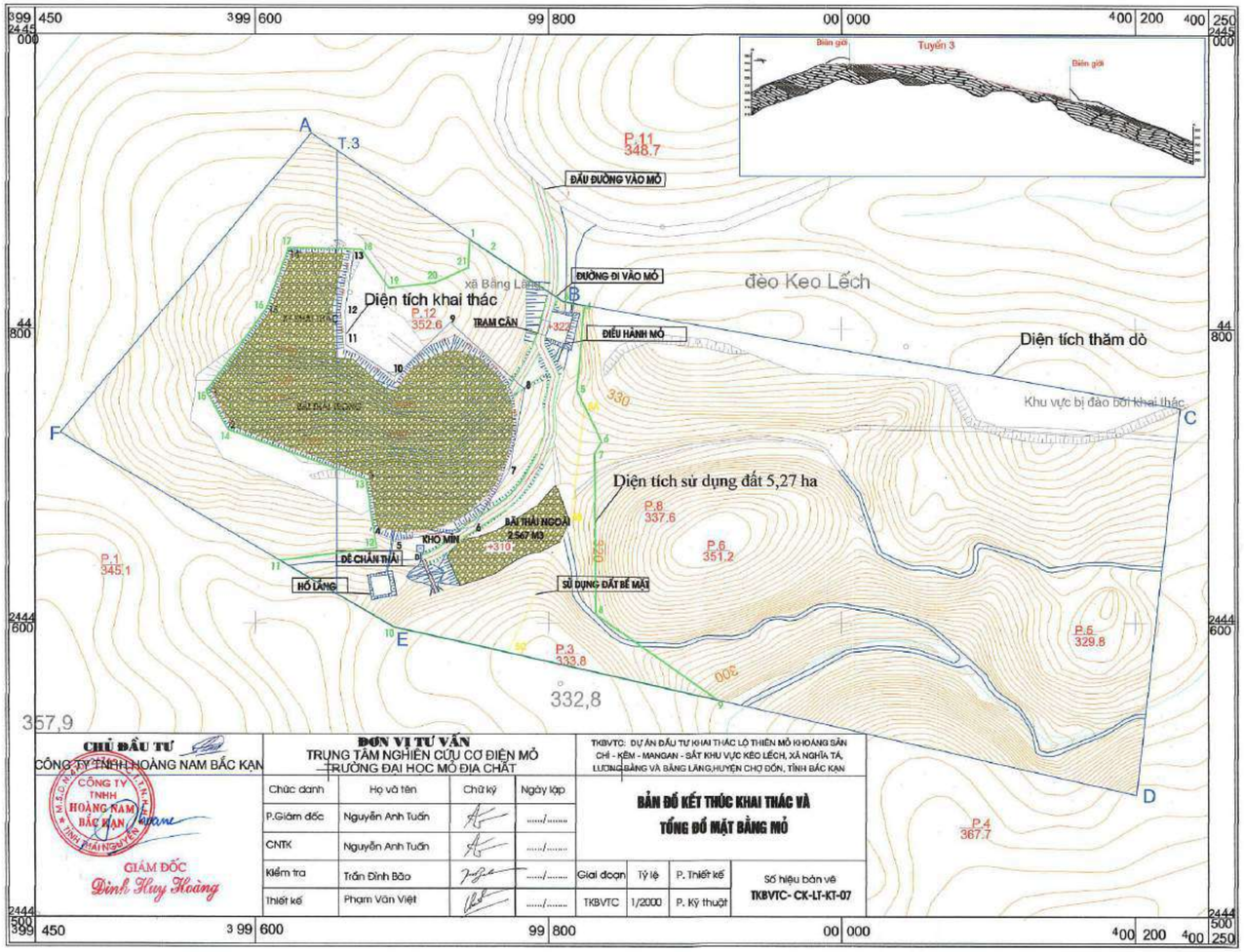
Tên điểm	Toạ độ VN.2000 (KTTT 105°, múi chiếu 6°)		Toạ độ VN.2000 (KTTT 106°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	2.443.796,68	554.325,32	2.444.757,10	399.566,77
2	2.443.770,63	554.340,30	2.444.730,90	399.581,50
3	2.443.738,33	554.434,59	2.444.697,66	399.675,47
4	2.443.701,02	554.440,75	2.444.660,27	399.681,30
5	2.443.696,24	554.454,89	2.444.655,35	399.695,39
6	2.443.706,71	554.508,44	2.444.665,30	399.749,07
7	2.443.744,98	554.532,17	2.444.703,15	399.773,18
8	2.443.800,35	554.542,12	2.444.758,64	399.783,68
9	2.443.845,26	554.491,09	2.444.804,06	399.733,08
10	2.443.808,21	554.453,44	2.444.767,37	399.695,05
11	2.443.829,54	554.420,14	2.444.788,84	399.661,94
12	2.443.852,98	554.419,42	2.444.812,49	399.661,45
13	2.443.894,54	554.424,92	2.444.854,01	399.667,37
14	2.443.895,05	554.380,59	2.444.854,96	399.623,03
15	2.443.852,79	554.365,67	2.444.812,83	399.607,69

CÔNG SUẤT KHAI THÁC CÁC NĂM

TT	Các năm khai thác	Đơn vị	Khối lượng quặng	Khối lượng kim loại chì kèm
1	Xây dựng mỏ	tấn/năm	0	0
2	Năm thứ 1	tấn/năm	7.751	320
3	Năm thứ 2	tấn/năm	7.900	326
4	Năm thứ 3	tấn/năm	7.900	326
5	Năm thứ 4	tấn/năm	7.900	326
6	Năm thứ 5	tấn/năm	7.900	326
7	Năm thứ 6	tấn/năm	7.900	326
8	Năm thứ 7	tấn/năm	7.900	326
9	Năm thứ 8	tấn/năm	7.900	326
10	Cải tạo môi trường	tấn/năm	0	0
11	Tổng	tấn/năm	63.051	2.600

TỌA ĐỘ KHÉP GÓC NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA DỰ ÁN

Tên điểm	Tọa độ VN2000 KTT106°30', múi chiếu 3°		Tên điểm	Tọa độ VN2000 KTT106°30', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	2.444.860,45	399.746,08	12	2.444.650,84	399.682,78
2	2.444.851,56	399.759,80	13	2.444.697,67	399.675,46
3	2.444.818,00	399.810,00	14	2.444.730,94	399.581,49
4	2.444.815,49	399.824,67	15	2.444.757,11	399.566,76
5	2.444.757,81	399.819,47	16	2.444.813,09	399.607,41
6	2.444.722,60	399.836,22	17	2.444.854,97	399.623,02
7	2.444.715,21	399.831,42	18	2.444.853,91	399.672,41
8	2.444.665,85	399.832,07	19	2.444.827,44	399.691,24
9	2.444.547,36	399.915,38	20	2.444.831,12	399.722,57
10	2.444.597,00	399.695,00	21	2.444.841,47	399.745,35
11	2.444.642,24	399.616,87			
Diện tích: 5,27 ha					



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÈO LẾCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN					
CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT			BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC VÀ TỔNG ĐỒ MẶT BẰNG MỎ			
GIÁM ĐỐC Đinh Huy Hoàng	Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế
	P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	TKBVTC	1/2000	P. Kỹ thuật
	CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	Số hiệu bản vẽ: TKBVTC- CK-LT-KT-07		
	Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....			
	Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....			

Chỉ dẫn

- II-1 / 357.2 — Điểm lưới giải tích 2 thành lập (Số hiệu / Độ cao (m))
- P.7 / 362.9 — Điểm lưới đường sườn kinh vĩ (Số hiệu / Độ cao (m))
- Giao thông
- Ranh giới xã
- Taluy
- Suối
- 338.2 — Điểm đặc trưng
- Đường đồng mức con
- 300 — Đường đồng mức cái
- VL.2KL — Vết lộ và số hiệu
- L.2-KL — Lò cũ và số hiệu
- H.629 — Hào cũ và số hiệu
- GS.1 / 331.6 — Công trình giếng thăm dò (Số hiệu / Độ cao)
- TV.1KL — Trạm quan trắc trạng thái nước mặt và số liệu
- Diện tích thăm dò 17,9 ha
- Diện tích đất đề xuất sử dụng 5,27 ha
- Diện tích khai thác 2,25 ha
- Diện tích đất sử dụng bề mặt 4,61ha

TỌA ĐỘ KHÉP GÓC KHU VỰC SỬ DỤNG BỀ MẶT

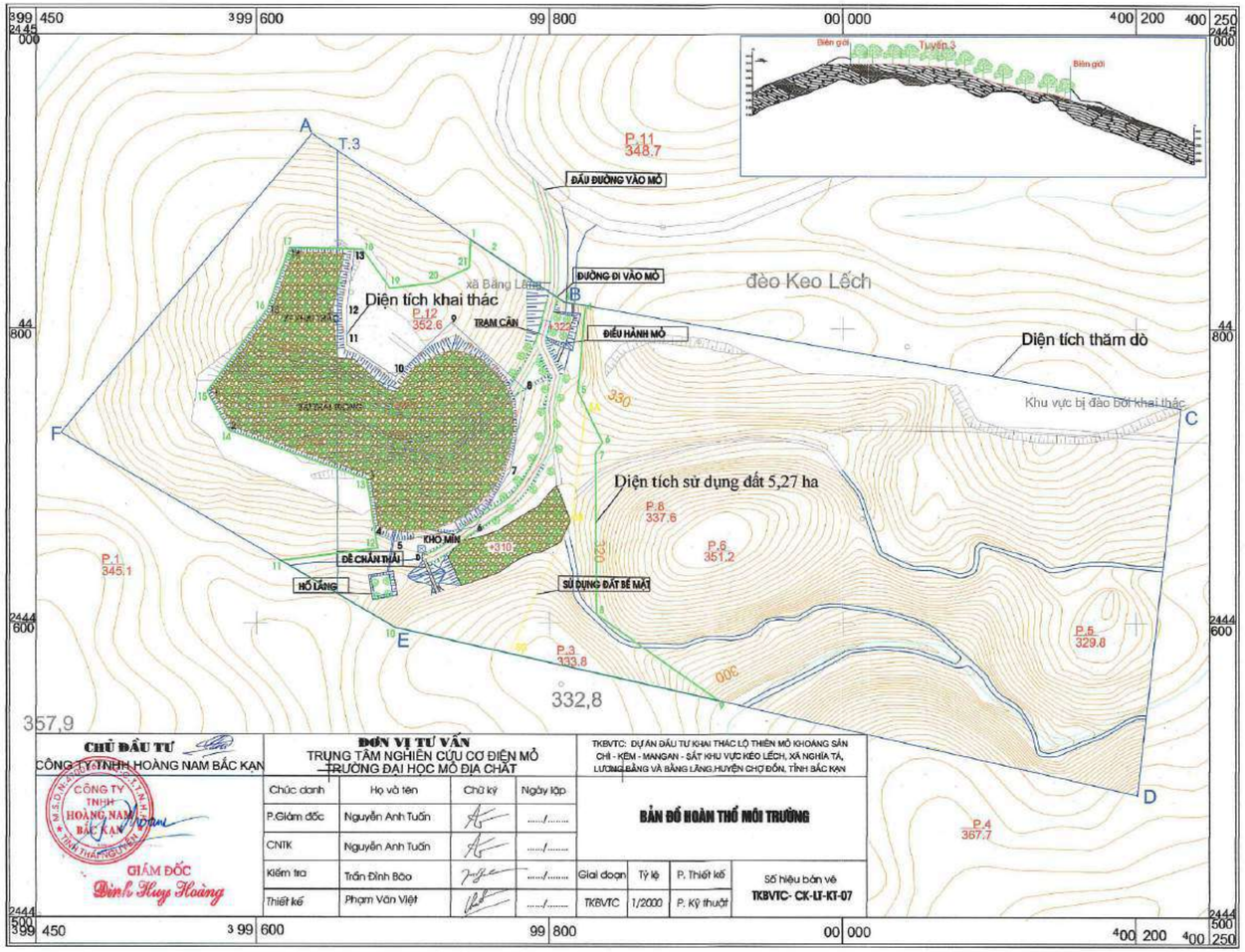
Tên điểm	Toạ độ VN.2000 (KTTT 106°30', múi chiếu 3°)		Tên điểm	Toạ độ VN.2000 (KTTT 106°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	2.444.860,45	399.746,08	12	2.444.650,84	399.682,78
2	2.444.851,56	399.759,8	13	2.444.697,67	399.675,46
3	2.444.818,00	399.810,00	14	2.444.730,94	399.581,49
4	2.444.815,49	399.824,67	15	2.444.757,11	399.566,76
5	2.444.757,81	399.819,47	16	2.444.813,09	399.607,41
5A	2.444.747,00	399.824,60	17	2.444.854,97	399.623,02
5B	2.444.671,20	399.815,47	18	2.444.853,91	399.672,41
5C	2.444.579,80	399.772,23	19	2.444.827,44	399.691,24
10	2.444.597,00	399.695,00	20	2.444.831,12	399.722,57
11	2.444.642,24	399.616,87	21	2.444.841,47	399.745,35
Diện tích: 4,61 ha					

TỌA ĐỘ KHÉP GÓC KHU VỰC KHAI THÁC 2,25 HA

Tên điểm	Toạ độ VN.2000 (KTTT 105°, múi chiếu 6°)		Toạ độ VN.2000 (KTTT 106°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	2.443.796,68	554.325,32	2.444.757,10	399.566,77
2	2.443.770,63	554.340,30	2.444.720,90	399.581,50
3	2.443.738,33	554.434,59	2.444.697,66	399.675,47
4	2.443.701,02	554.440,75	2.444.660,27	399.681,30
5	2.443.696,24	554.454,89	2.444.655,35	399.695,39
6	2.443.706,71	554.508,44	2.444.665,30	399.749,07
7	2.443.744,98	554.532,17	2.444.703,35	399.773,18
8	2.443.800,35	554.542,12	2.444.758,64	399.783,68
9	2.443.845,26	554.491,09	2.444.804,06	399.733,08
10	2.443.808,21	554.453,44	2.444.767,37	399.695,05
11	2.443.829,34	554.420,14	2.444.788,84	399.661,94
12	2.443.852,98	554.419,42	2.444.812,49	399.661,45
13	2.443.884,54	554.424,92	2.444.854,01	399.667,31
14	2.443.895,05	554.380,59	2.444.854,96	399.623,03
15	2.443.852,79	554.365,67	2.444.812,83	399.607,69

TỌA ĐỘ KHÉP GÓC NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA DỰ ÁN

Tên điểm	Toạ độ VN2000 KTT106°30', múi chiếu 3°		Tên điểm	Toạ độ VN2000 KTT106°30', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	2.444.860,45	399.746,08	12	2.444.650,84	399.682,78
2	2.444.851,56	399.759,80	13	2.444.697,67	399.675,46
3	2.444.818,00	399.810,00	14	2.444.730,94	399.581,49
4	2.444.815,49	399.824,67	15	2.444.757,11	399.566,76
5	2.444.757,81	399.819,47	16	2.444.813,09	399.607,41
6	2.444.722,60	399.836,22	17	2.444.854,97	399.623,02
7	2.444.715,21	399.831,42	18	2.444.853,91	399.672,41
8	2.444.605,85	399.832,07	19	2.444.827,44	399.691,24
9	2.444.547,36	399.915,38	20	2.444.831,12	399.722,57
10	2.444.597,00	399.695,00	21	2.444.841,47	399.745,35
11	2.444.642,24	399.616,87			
Diện tích: 5,27 ha					



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LẾCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LĂNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN
CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....

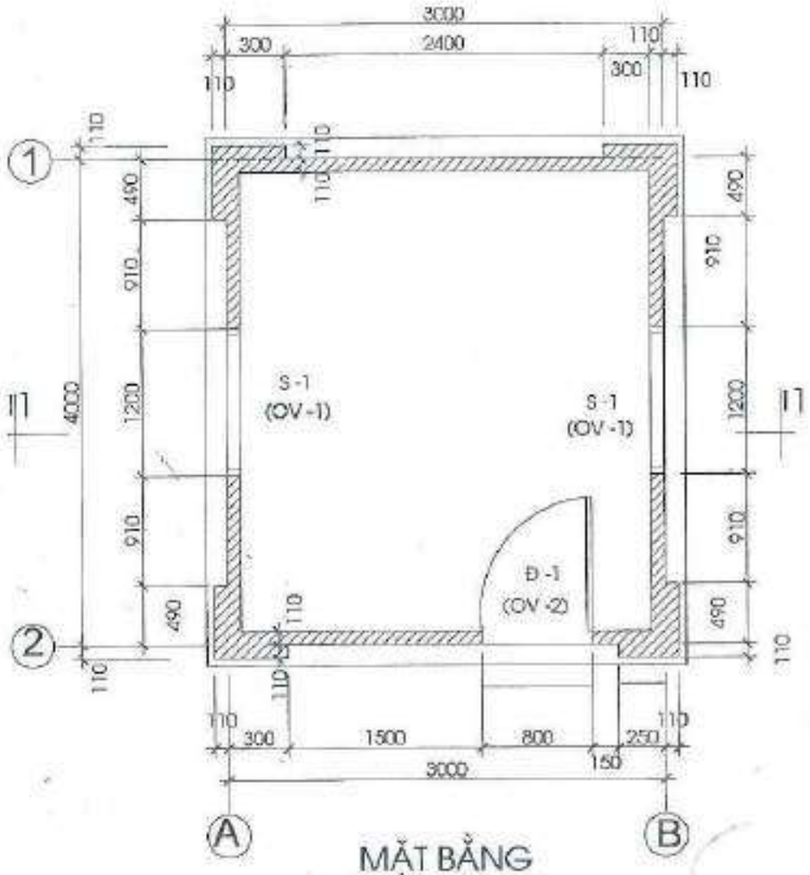
BẢN ĐỒ HOÀN THỔ MÔI TRƯỜNG

Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
TKBVTC	1/2000	P. Kỹ thuật	TKBVTC- CK-LT-KT-07

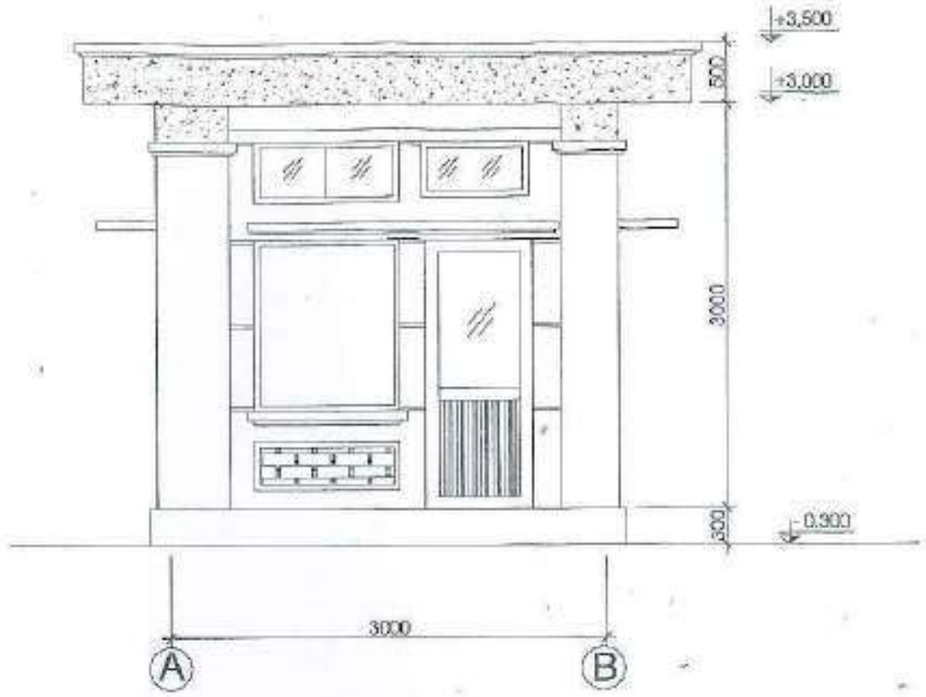
GIÁM ĐỐC
Đinh Huy Hoàng

Chỉ dẫn

- Điểm lưới giải tích 2 thành lập (Số hiệu / Độ cao (m))
- Điểm lưới đường sườn kinh vĩ (Số hiệu / Độ cao (m))
- Giao thông
- Ranh giới xã
- Taluy
- Suối
- Điểm đặc trưng
- Đường đồng mức con
- Đường đồng mức cái
- Vết lộ và số hiệu
- Lò cũ và số hiệu
- Hào cũ và số hiệu
- Công trình giếng thăm dò (Số hiệu / Độ cao)
- Trạm quan trắc trạng thái nước mặt và số liệu
- Diện tích thăm dò 17,9 ha
- Diện tích đất đề xuất sử dụng 5,27 ha
- Diện tích khai thác 2,25 ha
- Diện tích đất sử dụng bề mặt 4,61ha
- Trồng cây



MẶT BẰNG



MẶT ĐỨNG TRỤC A-B

Ghi chú:

+Cốt ±0.000 tương ứng với cốt cao tuyệt đối trên bản vẽ tổng mặt bằng.

+ Móng xây đá hộc 400# với vữa xi măng 50#.

+ Tường xây gạch chỉ vữa xi măng 50#. Trát trong, ngoài bằng vữa xi măng 50#.

+ Sàn mái, dầm, giằng móng, lanh tô ô văng đổ bê tông B15.

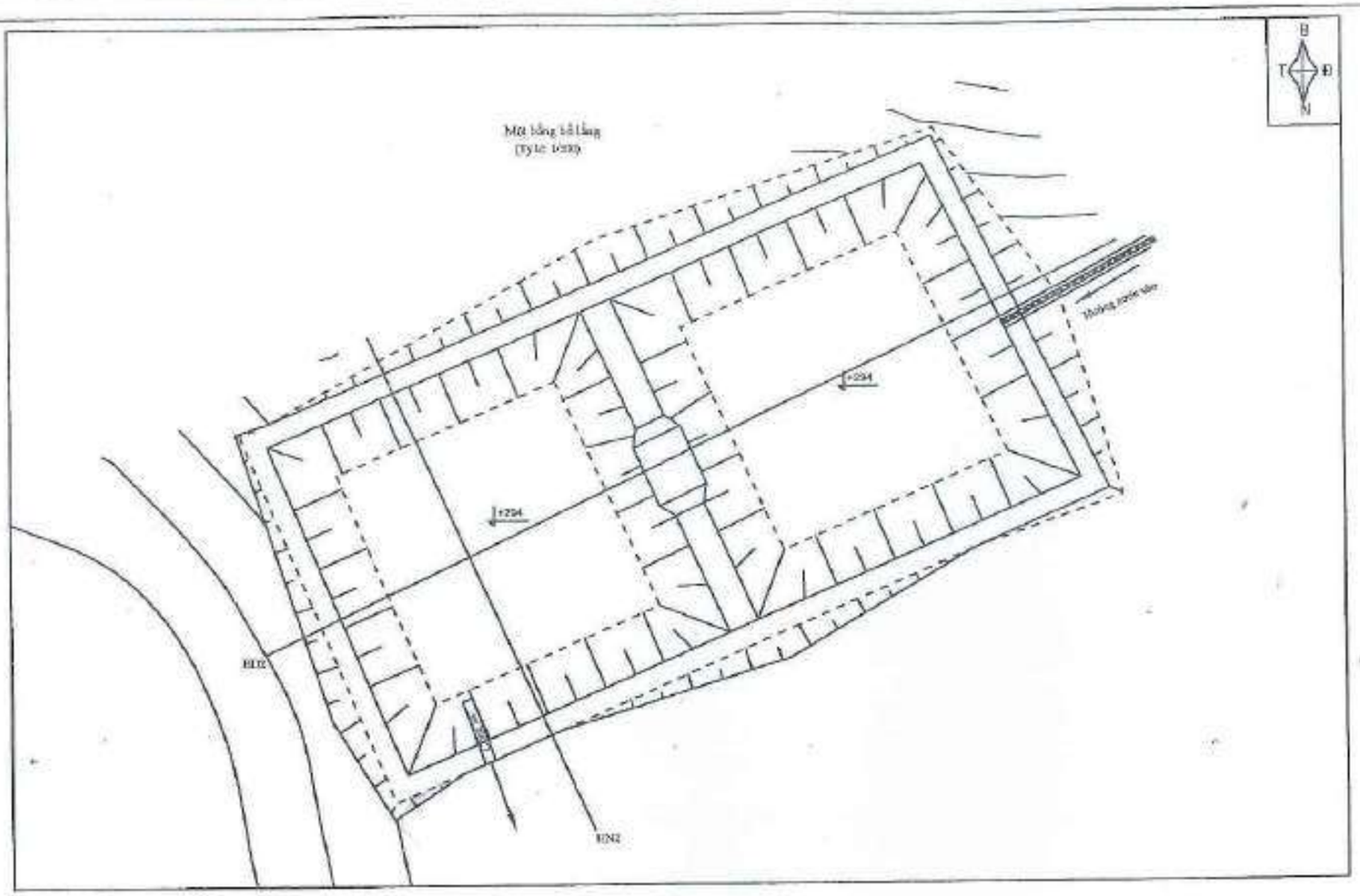
+ Thép dầm, giằng, sàn loại $\Phi \leq 10$ dùng AI, loại $\Phi > 10$ dùng loại AII

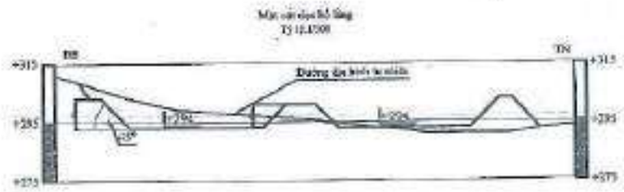
+ Sàn mái được ngâm nước xi măng chống thấm theo qui định và láng vữa xi măng tạo dốc M100.

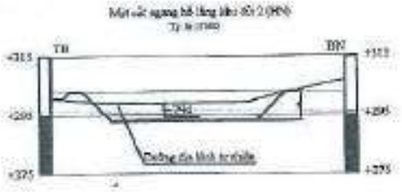
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI TẠI XÃ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN				
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	HẠNG MỤC: KHO CHỨA CHẤT THẢI				
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		..../..../....	MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG KHO				
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		..../..../....					
Kiểm tra	Trần Đình Sơn		..../..../....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ	
Thiết kế	Phạm Văn Việt		..../..../....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	TKBVTC- CK-LI-MT-02/2	

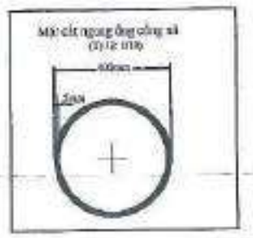
M.S.D.N: 4700257454-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN

1









Cấu tạo: Bể lắng được đào bằng máy xúc, xây bằng gạch đặc dày 20cm, mặt trong thành và đáy bể được trát vữa xi măng có phụ gia chống thấm. chiều cao hố lắng là 2m, bể lắng có 2 ngăn, được ngăn tường cao 1m. Nước chảy thông rãnh mặt. Cống chảy ra đặt dưới mặt khu vực bờ bể lắng khoảng 0,5-1m, đường kính cống là 400mm, cống bê tông. Cốt cao đáy hố lắng là +294m.

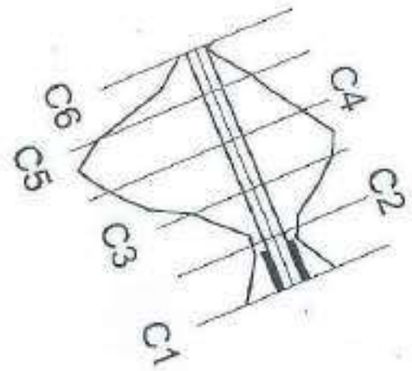
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC NÀO LẢNG, XÃ NAM MẪU, HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày ký	HẠNG MỤC: HỒ LẮNG			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn			MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG HỒ LẮNG			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn						
Kiểm tra	Trần Đình Bảo			Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt			TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	BDMTC- CK-LI-MI-03/2

CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN

2

PHẦN BẢN VẼ

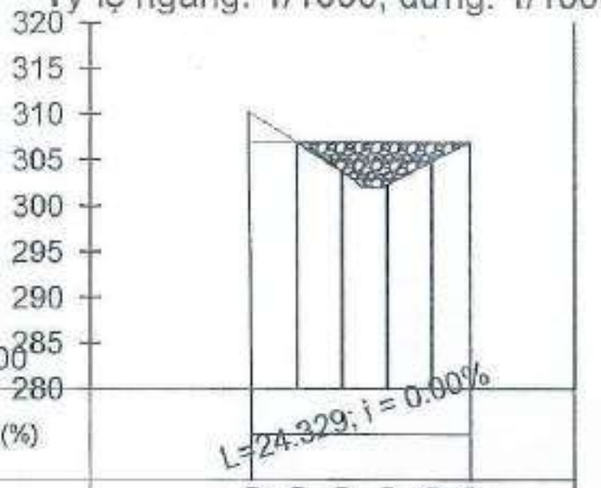
ĐÊ CHẮN THẢI



ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÊCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**BÌNH ĐỒ TUYẾN**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	**TKBVTC- CK-LT-MT-02**

Trắc dọc: Đê chắn thải

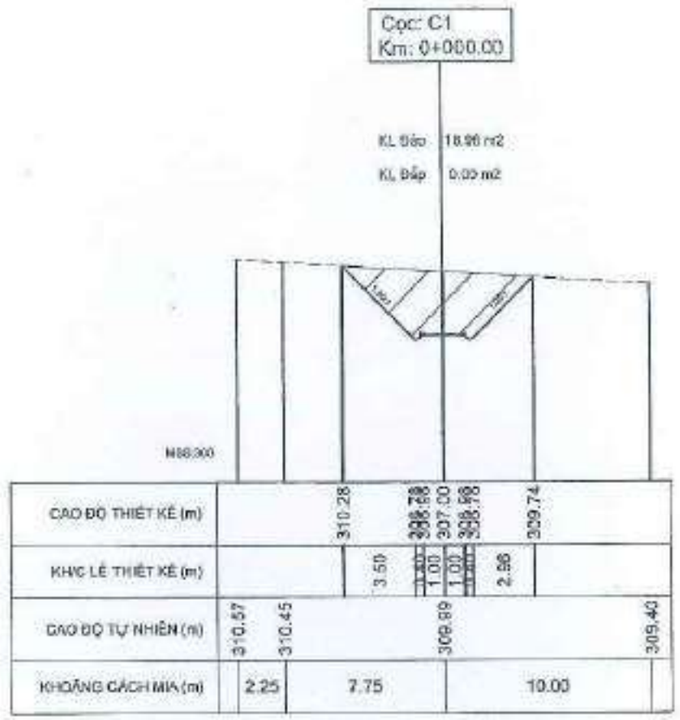
Tỷ lệ ngang: 1/1000; đứng: 1/1000



ĐỘ DỐC THIẾT KẾ (%)						
CAO ĐỘ THIẾT KẾ (m)	307.00	307.00	307.00	307.00	307.00	307.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	309.99	306.89	303.69	302.28	304.91	306.83
CHÊNH CAO (m)	2.99	-0.11	-3.31	-4.72	-2.09	-0.17
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN (m)	0.00	5.00	10.00	15.00	20.00	24.33
KHOẢNG CÁCH LẺ (m)	5.00	5.00	5.00	5.00	4.33	
TÊN CỌC	C1	C2	C3	C4	C5	C6
LÝ TRÌNH	0+000.00	0+005.00	0+010.00	0+015.00	0+020.00	0+024.33

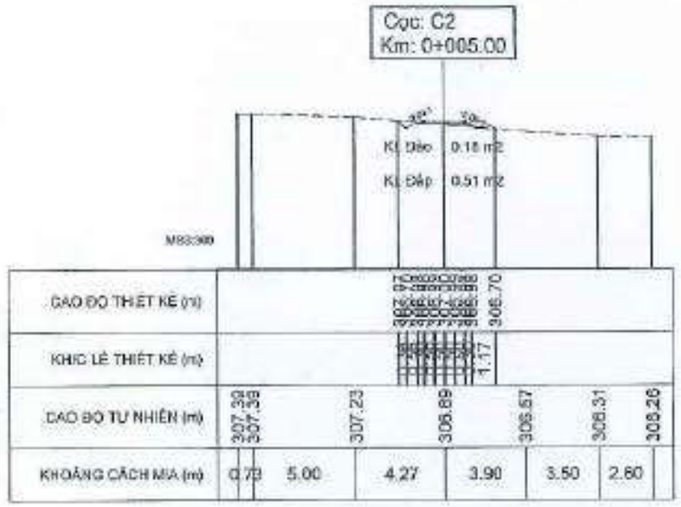
CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÉCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG,HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	TRẮC DỌC			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	TKBVTC- CK-LT-MT-02



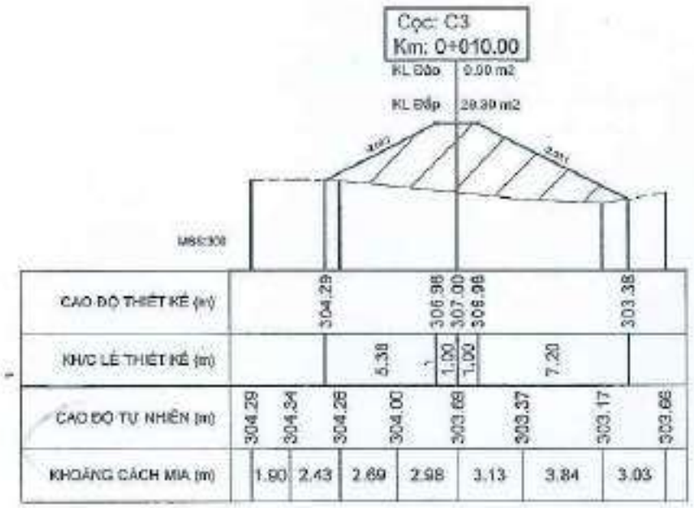
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LECH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**TRẮC NGANG**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	**TKBVTC- CK-LT-MT-02**

M.S.D.N: 4700267454-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM
BẮC KẠN



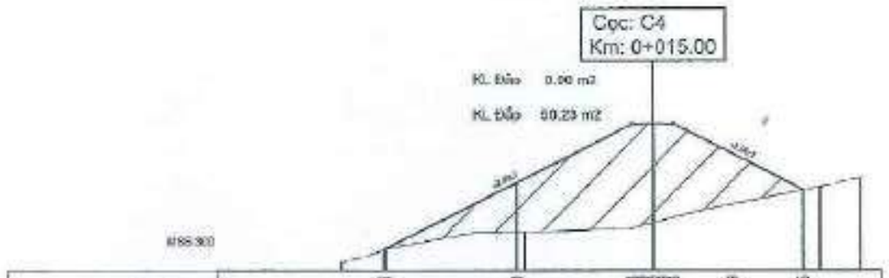
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÉCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**TRẮC NGANG**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bão		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	**TKBVTC- CK-LT-MT-02**

CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN



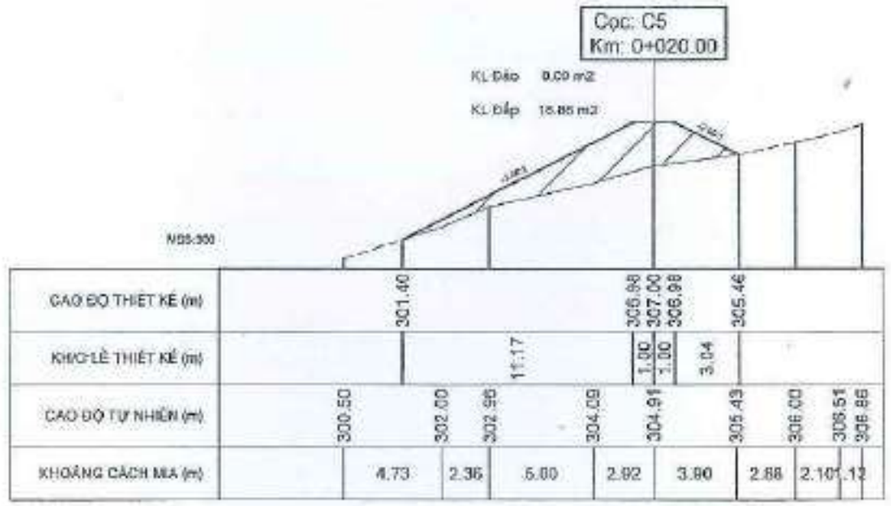
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÉCH, XÃ NGHĨA TÂM, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**TRẮC NGANG**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	**TKBVTC- CK-LT-MT-02**

CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM



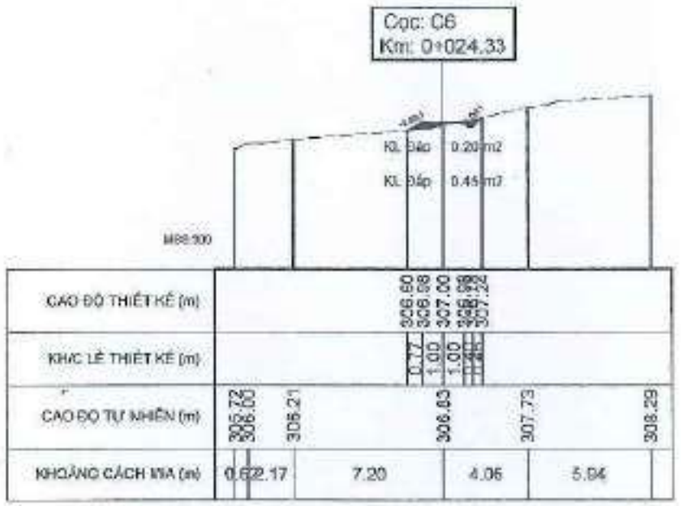
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÉCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**TRẮC NGANG**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ **TKBVTC- CK-LT-MT-02**
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	

CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÉCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LÃNG,HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**TRẮC NGANG**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bảo		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ **TKBVTC- CK-LT-MT-02**
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	

M.S.D.N: 4700267454 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT				, TKBVTC: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHOÁNG SẢN CHÌ - KẼM - MANGAN - SẮT KHU VỰC KÉO LÉCH, XÃ NGHĨA TÁ, LƯƠNG BẰNG VÀ BẰNG LĂNG,HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	**HẠNG MỤC: ĐÊ CHẮN THẢI**			
P.Giám đốc	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....	**TRẮC NGANG**			
CNTK	Nguyễn Anh Tuấn		...../.....				
Kiểm tra	Trần Đình Bão		...../.....	Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
Thiết kế	Phạm Văn Việt		...../.....	TKBVTC	1/1000	P. Kỹ thuật	**TKBVTC- CK-LT-MT-02**

11